

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/DS-PT
Ngày 15 – 01 – 2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông D1 Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 220/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Quốc K, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C .

- Bị đơn: Bà Lê Ngọc T1, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Du Thị B là Luật sư Công ty luật TNHH Luật Sống, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Nguyễn Thị N1 (vắng mặt);

2. Bà Phạm Thúy H, sinh năm 1975(có mặt);

3. Chị Lê Phụng D2 (vắng mặt);

4. Chị Lê Hồng N2 (vắng mặt);

5. Ông Huỳnh Hữu T2 (vắng mặt);

6. Chị Huỳnh Kiều T3 (vắng mặt);

7. Chị Huỳnh Huyền T4 (vắng mặt);
8. Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1983 (có mặt);
9. Chị Trương Thùy N3, sinh năm 1986 (có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Ngọc T1, là bị đơn; Anh Nguyễn Văn D1, chị Trương Thùy N3, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Quốc K trình bày:

Vào ngày 10/12/2015, cụ Nguyễn Thị N1 làm thủ tục cho bà Lê Ngọc T1 thì còn thừa phần đất kích thước ngang 4,0m chạy dài từ lộ xe đến sông 7 Háp (liền kề phần đất ông K được cấp giấy chứng nhận) nên cụ Ngợi đã cho ông K phần đất này để làm đường xỏ, khi cho có làm giấy, bà T1, anh Nguyễn Văn D1 và một số người tham gia chứng kiến, sau đó Trưởng ấp Trung Cang đã xác nhận vào ngày 16/4/2019. Phần đất tại ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Do phần đất cho dùng để làm đường xỏ nước, diện tích đất nhỏ không đủ điều kiện để tách giấy chứng nhận nên khi bà T1 làm quyền sử dụng đất vào năm 2016, ông K đồng ý để bà T1 làm luôn phần đất này. Quá trình sử dụng, bà T1 cho anh D1 cất nhà và dựng chuồng gà lán qua phần đất ông K được cho. Hiện phần đất ông đang sử dụng cùng với vợ là Phạm Thúy H, các con là Lê Phụng D2 và Lê Hồng N2. Ông K yêu cầu anh D1, chị N3 di dời nhà cửa và các vật dụng sinh hoạt trên phần đất để cùng với bà T1 trả lại phần đất theo đo đạc là 728,4 m².

Tại phiên tòa sơ thẩm ông K yêu cầu Hội đồng xét xử bà T1 trả lại ông phần đất ½ diện tích theo đo đạc thực tế.

Bà Lê Ngọc T1 trình bày:

Năm 2008, bà T1 được cụ Nguyễn Thị N1 cho phần đất diện tích 2.600m² (liền kề với phần đất đã cho ông K), đến năm 2015 chuyển nhượng thêm khoảng 2.000m², việc cho và sang nhượng không có đo đạc thực tế; quá trình sử dụng, các bên đã làm bờ ranh mỗi bên sử dụng ½ bờ đến tháng 12/2015 làm thủ tục đo đạc và được cấp giấy chứng nhận vào ngày 08/9/2016 (bao gồm luôn phần nền nhà và khu vực mộ) với diện tích 7.457m².

Quá trình đo đạc thì phần đường nước xỏ từ phần đất trên lộ xe của ông K nằm trên phần đất của bà nên đã thống nhất cho ông K 4,0m² làm đường nước. Đối với căn nhà của anh D1 dựng trên phần đất do cụ Ngợi cho và nằm trong giấy chứng nhận của bà, không liên quan đến phần đất của ông K. Bà không đồng ý theo yêu cầu của ông K và yêu cầu giữ nguyên phần đất đã cấp theo giấy chứng nhận. Hiện phần đất bà đang sử dụng cùng với cụ Nguyễn Thị N1, chồng là ông Huỳnh Hữu T2, các con là Huỳnh Kiều T3 và Huỳnh Huyền T4.

Bà Phạm Thúy H trình bày: Phần đường xỏ đã được cụ Ngợi cho nên yêu cầu giữ nguyên cho bà và ông K sử dụng.

Anh Nguyễn Văn D1 trình bày:

Năm 2010, cụ Ngợi cho phần nền nhà tiếp giáp lộ xi măng ngang 6,0m chạy dài 16,0m nhưng chưa định vị vị trí cụ thể (phần đất hiện nằm chung trong giấy chứng nhận đã cấp cho bà T1); anh đã dựng căn nhà kích thước ngang 6,0m bằng cây gỗ địa phương và làm chuồng gà phía sau. Các tài sản này anh đang quản lý, sử dụng cùng với vợ là chị Trương Thùy N3. Trường hợp, căn nhà và chuồng gà nằm qua phần đất của ông K thì anh sẽ tự di dời, không yêu cầu bồi thường và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần nền nhà đã được cụ Ngợi cho trong vụ án này. Sau khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ thì phần chuồng gà anh đã tự tháo dỡ, di dời xong.

Chị Trương Thùy N3 trình bày: Chị và anh D1 được bà ngoại là cụ Ngợi cho phần nền nhà kích thước ngang 6,0m x 16,0m như anh D1 trình bày. Chị thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của anh D1.

Cụ Nguyễn Thị N1 trình bày:

Trước đây cụ Ngợi cho bà T1 một phần đất, sau đó chuyển nhượng thêm 02 công đất và cho anh D1 phần nền nhà tiếp giáp lộ xi măng ngang 6,0m chạy vào 16,0m đo từ ranh đất của ông K qua phần đất bà T1. Khi đo đạc cấp giấy chứng nhận cho bà T1, bà có làm giấy cho ông K đường xỏ ngang 4,0m, chạy dài từ lộ xi măng đến sông 7 Háp. Cụ Ngợi yêu cầu bà T1 trả lại cho ông K phần đường xỏ bà đã lập theo giấy cho đất.

Anh Lê Phước D2 và chị Lê Hồng N2 trình bày: Do điều kiện nên không thể tham gia việc giải quyết vụ án, yêu cầu giữ nguyên phần đất cho cha (là ông K) được sử dụng theo giấy cho đất của bà nội (là cụ Ngợi).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc K.

1. Phân chia phần đất tranh chấp giữa ông K và bà Lê Ngọc T1 như sau:

Phần đất ông K được sử dụng có diện tích 366,3m², tại ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau nằm trong giấy chứng nhận số CD 997996, cấp ngày 08/9/2016. Buộc bà Lê Ngọc T1, cụ Nguyễn Thị N1, ông Huỳnh Hữu T2, chị Huỳnh Kiều T3, chị Huỳnh Huyền T4, anh Nguyễn Văn D1 và chị Trương Thùy N3 có nghĩa vụ liên đới giao cho ông K phần đất diện tích như trên, có các phía tiếp giáp:

- Phía Đông giáp lộ xe, đo từ điểm M3 qua điểm M9, 2,0m (gọi là điểm P1).
- Phía Tây giáp đường xỏ chung, đo từ điểm M7 qua điểm M8, 2,0m (gọi là điểm P2).
- Phía Nam giáp đất ông K, điểm M3M7, dài 183,7m.
- Phía Bắc giáp đất bà T1 nối điểm P1 và điểm P2, dài 183,39m.

Buộc anh D1 và chị N3 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời một phần căn nhà, các vật dụng khác trên phần đất diện tích 16,46m² (kích thước 2,0m x 8,23m) để giao trả phần đất cho ông K.

2. Phần đất bà T1 tiếp tục được sử dụng phần đất diện tích 362,1m², tại ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau nằm trong giấy chứng nhận số CD 997996, cấp ngày 08/9/2016 có các phía tiếp giáp:

- Phía Đông giáp lộ xe (P1M9), ngang 2,0m.
- Phía Tây giáp đường xỏ chung (P2M8), ngang 2,0m.
- Phía Nam giáp phần đất phân chia cho ông K (P1P2), dài 183,39m.
- Phía Bắc giáp đất bà T1 (M8M9), dài 183,06m.

3. Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối các phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2020, bà Lê Ngọc T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận trả cho ông K phần đất diện tích 366,3m².

Ngày 28/8/2020, anh Nguyễn Văn D1, chị Trương Thuỳ N3 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Lê Quốc K.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà T1, anh D1, chị N3 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn phát biểu: tờ cho đất của cụ Ngợi cho ông K không phù hợp về vị trí đất, thời gian ký tên và thời gian xác nhận. Khi cụ Ngợi cho đất bà T1 thì không còn đất để cho ông K. Phần đất bà T1 được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ y phần đất cho bà T1 quản lý, sử dụng.

Ông K tranh luận: Ông K cho rằng phần đất tranh chấp là của ông được bà N1 cho nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Ngọc T1, anh D1 chị N3, sửa án sơ thẩm buộc tháo dỡ nhà, buộc anh D1 chị N3 tháo dỡ chuồng gà, các phần khác giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp ngang 02m dài 181,1m là của cụ Ngợi. Năm 2008, cụ Ngợi cắt đất ra chia cho bà T1 diện tích 2.600m². Đến năm 2015, cụ Ngợi chuyển nhượng cho bà T1 2.000m² và tặng cho ông K phần đất còn lại ngang 04m dài từ lộ xi măng đến sông Bảy Háp, đất tọa lạc tại ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào giấy tặng cho nhưng ông K chỉ yêu cầu bà T1 trả lại phần đất 2m ngang, bà T1 cho rằng chỉ cho ông K 4m² không phải 4m ngang dài đến sông Bảy Háp nên không đồng ý giao trả lại phần đất. Từ đó án sơ thẩm buộc bà T1 giao trả cho ông K phần ngang 2m dài đến sông Bảy Háp và buộc anh D1 chị N3 tháo dỡ, di dời nhà nên bà T1, chị N3, anh D1 kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông K. Xét kháng cáo của bà T1, anh D1 chị N3, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Phần đất các đương sự tranh chấp ngang 2m dài từ lộ xi măng kéo dài hướng sông Bảy Háp, phần đất tranh chấp một phần là bờ và một phần là vuông do ông K sử dụng, phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cấp ngày 08/9/2016 do bà Lê Ngọc T1 đứng tên. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bà T1 thừa nhận phần bờ tranh chấp bà T1 và ông K trong quá trình quản lý mỗi người sử dụng ½ bờ từ trước khi bà T1 được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để bỏ đất lên khi nạo vét kênh vuông. Hơn nữa ngoài phần đất trên ông K còn phần đất vuông đối diện với đất tranh chấp, ông K sử dụng từ năm 2005 và phần đất này nối với phần đất của ông K đang tranh chấp thông qua lộ xe một ống bọng làm đường lấy nước ông K sử dụng ổn định trước khi bà T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác phần đất trên là của cụ Ngợi để lại cho các con, cụ Ngợi cũng thừa nhận có cho ông K phần đất mà ông K kê cầu thể hiện bằng giấy tặng cho ngang 04 m dài đến sông bảy Háp có bà T1 ký tên xác nhận. Bà T1 cho rằng khi ký vào giấy tặng cho bà T1 không xem nội dung là không có căn cứ.

[3] Do đó, án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc bà T1, cụ Ngợi, ông T2, chị T3, chị Huyền Thư, anh D1 và chị N3 trả lại phần đất diện tích 366,3m² (ngang 2m, dài 183,7m) cho ông K là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đặt ra phần nhà của anh D1, chị N3 không nằm trong phần đất tranh chấp nhưng chuồng gà của anh D1, chị N3 lại nằm trong phần đất tranh chấp và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc lại phần đất tranh chấp. Hiện trạng phần đất tranh chấp theo mảnh trích đo ngày 14/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật, công nghệ, quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau, thể hiện trên phần đất tranh chấp có cả nhà và chuồng gà của anh D1, chị N3 và diện tích đất tranh chấp có sự thay đổi so với số liệu đã đo đạc tại cấp sơ thẩm.

[4.1] Đối với căn nhà của anh D1 chị N3 có diện tích 1m² nằm trong phần đất tranh chấp, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông K đồng ý để chị N3 anh D1 tiếp tục quản lý cho đến khi nhà hư thì giao trả lại phần đất tranh chấp cho ông K. Xét thấy, diện tích nhà nằm trong phần đất tranh chấp không lớn và ông K cũng không yêu cầu anh D1 chị N3 tháo dỡ một phần căn nhà. Do đó, ghi nhận sự tự

nguyện của ông K sửa án sơ thẩm không buộc chị N3 anh D1 tháo dỡ di dời nhà và giữ nguyên phần đất 1m² cho anh D1 chị N3 quản lý, cho đến khi nhà hư.

[4.2] Đối với chuồng gà của anh D1 chị N3 tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự xác định chuồng gà đã được tháo dỡ nên bản án sơ thẩm không xem xét. Nhưng qua xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng phần đất tranh chấp có chuồng gà của anh D1 chị N3. Do đó cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc anh D1 chị N3 tháo dỡ chuồng gà là phù hợp. Do đương sự cung cấp thông tin không chính xác nên đương sự phải chịu hậu quả cho việc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác. Việc anh D1 yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho việc di dời chuồng gà, tuy nhiên trong quá trình Tòa sơ thẩm giải quyết, anh D1 không yêu cầu bồi thường, không yêu cầu định giá (biên bản hòa giải ngày 13/01/2020, ngày 18/3/2020) do đó tại cấp phúc thẩm anh D1 yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho việc di dời chuồng gà là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T1, anh D1, chị N3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[6] Về chi phí tố tụng:

[6.1] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm số tiền 4.800.000 đồng: Ông K và bà T1 mỗi người phải chịu số tiền 2.400.000 đồng. Ông K đã nộp bà T1 trách nhiệm hoàn lại số tiền 2.400.000 cho ông K.

[6.1] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc tại giai đoạn phúc thẩm số tiền là 11.835.000 đồng, bà T1 tự chịu.

[7] Về án phí

[7.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T1 phải chịu 1.098.900 đồng. Ông K không phải chịu có dự nộp được nhận lại.

[7.1] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng, anh D1 chị N3 phải chịu số tiền 300.000 đồng đã dự nộp được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Ngọc T1, anh Nguyễn Văn D1, chị Trương Thuý N3.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2020/DS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc K.

Buộc bà Lê Ngọc T1, cụ Nguyễn Thị N1, ông Huỳnh Hữu T2, chị Huỳnh Kiều T3, chị Huỳnh Huyền T4, trả lại ông Lê Quốc K phần đất diện tích 361,9m², tại ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau có vị trí như sau:

- Phía Đông giáp lộ xe, đo từ điểm M3M4 2,0m .
- Phía Tây giáp đường xỏ chung, đo từ điểm M9M9a 2,0m.
- Phía Nam giáp đất ông K, điểm M9M4, dài 181,1m.
- Phía Bắc giáp đất bà T1 M9aM3, dài 180,8m.

(Kèm theo mảnh trích đo hiện trạng ngày 14/01/2021 của Trung tâm kỹ thuật, công nghệ, quan trắc tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau)

Buộc anh Nguyễn Văn D1 và chị Trương Thùy N3 có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời chuồng gà có diện tích 14,9m² (kích thước ngang một cạnh 1,87m và một cạnh 2m x dài một cạnh 7,46m và một cạnh 7,6m) để giao trả phần đất cho ông Lê Quốc K.

Các đương sự có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối các phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm số tiền 4.800.000 đồng: Ông Lê Quốc K và bà Lê Ngọc T1 mỗi người phải chịu số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông K đã dự nộp số tiền 4.800.000 đồng bà T1 có nghĩa vụ nộp số tiền 2.400.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi để hoàn trả lại cho ông K.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc tại giai đoạn phúc thẩm số tiền 11.835.000 đồng, Bà T1 phải chịu, bà T1 đã nộp xong số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông K cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Ngọc T1 phải chịu số tiền 1.098.900 đồng. Ông Lê Quốc K không phải chịu ngày 25/12/2019 ông K có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010140 ngày của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Ngọc T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng, anh Nguyễn Văn D1, chị Trương Thùy N3 phải chịu, ngày 28/8/2020, bà Lê Ngọc T1 có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011002 và anh Nguyễn Văn D1, chị Trương Thùy N3 có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011001 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào